

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2018

**KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KHÓA 2016 TRUNG CẤP VÀ 2016 TRUNG CẤP NGHỀ
Kỳ thi Tháng 11/2018**

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
KHÓA 2016 TRUNG CẤP								
1	16000129	Lê Ngọc	Hào	23/06/2000	16TC-MTT	4.0	9.0	8.5
2	16001548	Võ Quang	Huy	03/7/2001	16TC-MTT	4.0	5.0	8.0
3	16000120	Hứa Lê Kim	Ngân	21/10/2001	16TC-MTT	3.5	9.5	8.0
4	16000494	Huỳnh Mai Kim	Ngọc	14/11/2001	16TC-MTT	7.5	9.0	8.5
5	16000281	Lê Tâm	Như	13/12/2001	16TC-MTT	7.5	8.5	7.0
6	16001821	Nguyễn Trần Hoàng	Oanh	04/5/1998	16TC-MTT	9.0	9.5	7.5
7	16000223	Nguyễn Vũ Trúc	Quân	17/02/2000	16TC-MTT	0.5	7.5	6.5
8	16000112	Vũ Thị Thanh	Thảo	11/9/2000	16TC-MTT	5.0	9.5	7.5
9	16000519	Trần Huỳnh Minh	Thư	03/5/2001	16TC-MTT	5.0	10.0	7.5
10	16003845	Vương Minh	Thư	02/8/2000	16TC-MTT	8.0	7.5	8.5
11	16000655	Nguyễn Thị Minh	Thuận	05/6/2001	16TC-MTT	9.5	10.0	8.5
12	16000326	Nguyễn Quỳnh Nghinh	Thy	12/02/2001	16TC-MTT	5.5	9.5	7.5
13	16001307	Vũ Ngọc	Trinh	13/02/2001	16TC-MTT	6.5	9.5	9.0
14	16000515	Lê Thị Bé	Vân	18/07/2001	16TC-MTT	6.0	7.5	8.5
15	16000433	Lê Tường	Vy	10/8/2001	16TC-MTT	7.5	7.5	8.5
16	16003427	Vũ Tuấn	Anh	15/07/2000	16TC-Ô1	8.0	6.5	8.5
17	16000532	Lê Công	Hậu	18/09/2001	16TC-Ô1	7.5	8.0	7.0
18	16001893	Đỗ Huỳnh Minh	Hy	24/02/2000	16TC-Ô1	3.5	6.0	8.0
19	16000200	Nguyễn Thanh Hoàng	Khải	19/06/2001	16TC-Ô1	9.0	9.5	7.5
20	16000380	Phạm Minh	Khải	21/11/1999	16TC-Ô1	3.5	5.0	7.0
21	16000058	Phan Hoài	Linh	30/10/1997	16TC-Ô1	9.5	9.5	9.5
22	16000310	Nguyễn Ngọc	Minh	02/6/2001	16TC-Ô1	7.5	9.0	9.0
23	16000252	Vũ	Minh	30/05/2001	16TC-Ô1	5.0	9.5	9.5
24	16000566	Đào Sơn	Nam	14/10/1999	16TC-Ô1	7.5	10.0	9.0
25	16000202	Lê Duy	Phát	01/10/2001	16TC-Ô1	5.0	8.5	7.0
26	16000024	Dương Tấn Vũ	Phương	21/07/2000	16TC-Ô1	5.5	9.0	8.0

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
27	16001840	Trần Duy	Quang	20/05/1998	16TC-Ô1	3.5	5.5	7.0
28	16003448	Trần Võ Văn	Tài	29/10/2001	16TC-Ô1	2.0	5.5	7.5
29	16000241	Hoàng Anh	Trường	01/4/2001	16TC-Ô1	5.0	8.0	8.5
30	16001745	Lê Ngọc	Tuấn	26/11/1994	16TC-Ô1	5.0	8.5	8.5
31	16000706	Hồ Công	Chiến	11/02/2001	16TC-QTM	5.0	0.5	V
32	16000019	Huỳnh Hữu	Hiếu	12/7/2001	16TC-QTM	5.5	5.5	8.0
33	16000047	Khổng Lê Trọng	Hiếu	20/04/2001	16TC-QTM	2.5	6.0	7.0
34	16003894	Nguyễn Văn	Hùng	06/11/1997	16TC-QTM	5.5	7.0	9.0
35	16000322	Lý Diệu	Huy	07/9/2001	16TC-QTM	1.5	6.0	7.5
36	16000317	Khuông Thiên	Long	31/03/2000	16TC-QTM	9.0	10.0	7.0
37	16000009	Phạm Quang	Minh	18/08/1997	16TC-QTM	3.5	7.0	7.5
38	16003086	Thái Hoài	Nam	25/06/1999	16TC-QTM	5.0	5.5	8.0
39	16000412	Võ Trung	Ngọc	10/01/2001	16TC-QTM	5.5	7.0	7.0
40	16000195	Lý Trần	Phước	26/11/2001	16TC-QTM	6.5	6.0	7.5
41	16000063	Đinh Hồng	Sơn	22/09/2001	16TC-QTM	3.0	6.0	8.0
42	16000500	Nguyễn Văn	Sỹ	09/02/2001	16TC-QTM	5.0	6.5	8.5
43	16000337	Trần Trọng	Thoại	19/01/2001	16TC-QTM	6.5	8.5	9.0
44	16000050	Đỗ Minh	Triết	19/09/2001	16TC-QTM	7.5	6.0	6.0
KHÓA 2016 TRUNG CẤP NGHỀ								
45	16000306	Nguyễn Đình Quốc	Ân	10/12/2001	16TCN-CKL	5.0	9.5	8.0
46	16000097	Nguyễn Quốc	Anh	17/07/2001	16TCN-CKL	5.0	7.5	6.0
47	16000091	Huỳnh Minh	Chiến	21/12/2001	16TCN-CKL	3.0	9.5	8.5
48	16000181	Lê Văn	Chung	24/03/2001	16TCN-CKL	5.0	7.0	7.5
49	16002687	Bùi Tiến	Đạt	03/8/2000	16TCN-CKL	9.0	7.5	7.0
50	16000141	Nguyễn Thành	Đạt	20/02/1998	16TCN-CKL	5.0	7.0	9.0
51	16000578	Phan Thế	Hòa	21/10/2000	16TCN-CKL	5.0	7.0	8.5
52	16000089	Trần Việt	Hoàng	24/05/2001	16TCN-CKL	1.0	5.0	6.0
53	16000229	Phan Lâm	Huy	20/01/2001	16TCN-CKL	5.5	7.5	7.5
54	16000591	Trần Đăng	Khoa	02/8/1999	16TCN-CKL	8.5	7.0	7.5
55	16000377	Nguyễn Văn	Lai	28/10/2001	16TCN-CKL	4.0	6.5	8.0
56	16000353	Huỳnh Hà	Lâm	20/07/2001	16TCN-CKL	5.5	7.5	8.0
57	16000382	Lý Phát	Lộc	26/02/2001	16TCN-CKL	V	V	V

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
58	16002169	Nguyễn Xuân Tài	Lộc	12/12/1998	16TCN-CKL	5.0	6.5	7.5
59	16000471	Dương Vĩ	Nghiệp	14/12/2001	16TCN-CKL	5.5	8.5	9.5
60	16000398	Châu Kim	Phước	06/9/1998	16TCN-CKL	9.0	10.0	9.5
61	16000078	Phạm Minh	Sĩ	16/12/2000	16TCN-CKL	5.0	9.5	8.5
62	16000513	Phan Lâm	Tân	04/9/2001	16TCN-CKL	2.0	8.0	5.0
63	16002587	Nguyễn Tân	Tiến	04/01/2001	16TCN-CKL	6.5	9.0	8.5
64	16000472	Vũ Hoàng	Tiến	05/01/2001	16TCN-CKL	5.0	8.0	9.5
65	16000246	Vũ Minh	Tiến	12/5/2001	16TCN-CKL	V	V	V
66	16000965	Nguyễn Đức	Trình	01/10/2000	16TCN-CKL	5.0	5.0	7.5
67	16001852	Nguyễn Văn Quốc	Việt	03/6/2000	16TCN-CKL	5.0	7.0	6.0
68	16000423	Huỳnh Quốc	Ân	21/08/2001	16TCN-Đ	7.5	9.5	9.5
69	16000455	Phạm Tuấn	Anh	23/01/2001	16TCN-Đ	2.5	8.0	7.0
70	16000555	Huỳnh Trí	Đại	23/09/2001	16TCN-Đ	5.0	8.0	7.5
71	16000098	Võ Minh	Đạt	26/03/2001	16TCN-Đ	8.0	8.0	5.0
72	16000454	Nguyễn Mạnh	Đức	22/10/2001	16TCN-Đ	6.0	9.5	9.0
73	16003887	Hoàng Phước Ngọc	Duy	22/10/2000	16TCN-Đ	3.5	9.0	7.5
74	16002893	Nguyễn Văn	Hoài	15/03/1998	16TCN-Đ	5.5	7.0	9.5
75	16000991	Thiều Lê	Huy	01/3/2000	16TCN-Đ	4.0	9.0	9.5
76	16003786	Vũ Đăng	Khoa	26/08/1999	16TCN-Đ	3.0	8.0	5.0
77	16000535	Nguyễn Hoàng Huy	Long	03/4/2000	16TCN-Đ	5.0	6.0	7.0
78	16000002	Thân Tấn	Phát	29/12/2001	16TCN-Đ	8.5	7.5	6.0
79	16000595	Nguyễn Hoàng	Phúc	10/5/2001	16TCN-Đ	8.5	9.5	7.5
80	16000656	Hồ Lê Kim	Tân	23/05/2001	16TCN-Đ	9.5	9.5	8.5
81	16001213	Tô Đình	Trí	29/12/1996	16TCN-Đ	3.5	7.0	7.0
82	16000084	Bùi Trần Minh	Trị	15/01/2001	16TCN-Đ	6.0	9.5	7.0
83	16003607	Đổng Minh	Tuấn	26/02/1992	16TCN-Đ	5.0	8.5	7.0
84	16001070	Trần Ngọc	Hiển	21/11/2001	16TCN-ĐT	4.0	9.0	9.5
85	16000007	Mai Minh	Hiếu	15/10/2001	16TCN-ĐT	6.0	9.5	9.5
86	16000440	Nguyễn Minh	Hiếu	12/01/2001	16TCN-ĐT	1.0	5.0	7.0
87	16000213	Nguyễn Hòa	Hợp	02/5/1998	16TCN-ĐT	5.0	8.5	5.0
88	16000345	Hoàng Anh	Kỳ	10/12/2001	16TCN-ĐT	3.0	9.0	8.0
89	16000370	Cao Ngọc	Long	31/03/2001	16TCN-ĐT	2.0	7.5	6.5

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
90	16000339	Nguyễn Thành	Nhân	26/06/2001	16TCN-ĐT	3.0	7.5	6.5
91	16000069	Nguyễn Dương Thế	Sơn	23/02/2000	16TCN-ĐT	1.5	5.0	7.0
92	16000061	Võ Xuân	Thái	26/12/2001	16TCN-ĐT	3.5	8.5	8.0
93	16000430	Phạm Quốc	Thắng	26/11/2001	16TCN-ĐT	3.0	8.5	6.5
94	16000067	Lê Minh	Thông	12/9/2001	16TCN-ĐT	5.0	10.0	9.0
95	16000145	Bùi Quốc	Tuấn	15/02/2000	16TCN-ĐT	3.5	6.5	7.5
96	16000615	Huỳnh Anh	Tuấn	25/05/2001	16TCN-ĐT	3.5	7.0	6.5
97	16000225	Phan Anh	Vũ	25/10/2000	16TCN-ĐT	2.0	6.0	5.5
98	16000194	Vũ Hồng Nhật	Hạ	05/6/2001	16TCN-KTD	9.5	10.0	8.0
99	16001001	Nguyễn Ngọc Thanh	Hiền	13/12/2001	16TCN-KTD	3.0	9.0	8.0
100	16000266	Võ Thúy	Kiều	01/10/2001	16TCN-KTD	8.5	10.0	6.5
101	16000397	Hồ Trần Ngọc	Mi	03/12/2001	16TCN-KTD	8.5	10.0	6.5
102	16000368	Trần Thúy	Ngân	16/08/2001	16TCN-KTD	9.0	10.0	5.5
103	16000154	Đỗ Ngọc Quỳnh	Như	26/05/2001	16TCN-KTD	10.0	10.0	5.5
104	16001599	Lê Minh	Thư	09/9/2001	16TCN-KTD	8.0	10.0	3.5
105	16000340	Phạm Huỳnh Xuân	Thư	15/01/2001	16TCN-KTD	6.5	8.5	5.0
106	16003779	Nguyễn Thanh Mỹ	Tiên	26/03/2000	16TCN-KTD	10.0	10.0	8.5
107	16000401	Bùi Thị	Trâm	08/01/2001	16TCN-KTD	9.5	9.5	9.5
108	16003347	Nguyễn Thị	Trang	11/02/2000	16TCN-KTD	8.5	9.5	5.5
109	16003315	Đỗ Khánh	Vy	05/4/2001	16TCN-KTD	5.0	7.5	6.5
110	16000153	Vũ Ngọc Thụy	Vy	30/06/2001	16TCN-KTD	8.5	10.0	8.0
111	16000386	Huỳnh Thị Ngân	Xuyên	16/11/2001	16TCN-KTD	8.0	10.0	6.0
112	16000257	Lê Hoàng Hải	Anh	13/12/1999	16TCN-LĐLĐ	5.0	7.0	5.0
113	16000297	Vũ Hoàng Hải	Anh	05/10/2001	16TCN-LĐLĐ	7.0	10.0	6.5
114	16001690	Nguyễn Thành	Danh	07/7/2001	16TCN-LĐLĐ	4.0	7.0	8.5
115	16000143	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	19/01/2001	16TCN-LĐLĐ	7.0	10.0	8.0
116	16000090	Hoàng Bảo	Khang	20/05/2001	16TCN-LĐLĐ	V	V	V
117	16000164	Nguyễn Quang	Lợi	26/12/2001	16TCN-LĐLĐ	5.5	8.5	5.5
118	16000679	Hoàng Đình	Long	07/7/2001	16TCN-LĐLĐ	5.0	9.0	7.0
119	16003871	Nguyễn Hoàng	Long	18/03/2000	16TCN-LĐLĐ	9.0	9.5	6.0
120	16000156	Trần Minh	Mẫn	07/02/1997	16TCN-LĐLĐ	5.0	9.0	5.5
121	16003520	Nguyễn Gia Quốc	Mạnh	10/01/2000	16TCN-LĐLĐ	6.5	9.5	9.0

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
122	16000106	Nguyễn Xuân	Phú	22/03/2001	16TCN-LDL1	8.0	10.0	8.5
123	16000124	Nguyễn Hoàng	Tâm	11/3/2001	16TCN-LDL1	7.0	7.5	7.0
124	16001192	Nguyễn Lê Hùng	Thuận	21/01/2001	16TCN-LDL1	5.0	8.0	7.5
125	16000017	Đỗ Minh	Trung	19/08/2001	16TCN-LDL1	6.0	6.5	7.0
126	16000365	Nguyễn Quang	Trung	24/11/2001	16TCN-LDL1	5.0	6.5	7.0
127	16003895	Đinh Mạnh	Tuấn	17/03/2001	16TCN-LDL1	5.0	7.0	6.0
128	16000630	Nguyễn Lê Phương	Vũ	20/06/2000	16TCN-LDL1	6.5	7.0	8.5
129	16000544	Nguyễn Thiên	Bảo	15/04/2001	16TCN-Ô1	1.5	7.5	7.0
130	16000269	Nguyễn Xuân	Đạt	27/12/2001	16TCN-Ô1	5.0	8.0	7.5
131	16001678	Nguyễn Trung	Hậu	20/07/2000	16TCN-Ô1	8.0	9.5	6.0
132	16000170	Lê Thanh	Hòa	15/06/2000	16TCN-Ô1	3.5	3.5	3.5
133	16001803	Nguyễn Kế	Kha	19/06/2001	16TCN-Ô1	0.5	5.0	8.0
134	16000208	Phạm Tiến Trung	Kiên	23/12/2001	16TCN-Ô1	5.5	5.0	6.0
135	16003691	Trần Quang	Linh	12/10/2001	16TCN-Ô1	7.0	5.5	4.0
136	16000654	Võ Phú	Lộc	27/02/1996	16TCN-Ô1	1.0	6.0	6.5
137	16000301	Trương Văn	Nhật	10/12/2001	16TCN-Ô1	0.0	5.5	6.5
138	16003849	Lại Thế	Quyền	18/07/1994	16TCN-Ô1	8.0	10.0	8.5
139	16000857	Huỳnh Phú	Sĩ	21/10/1996	16TCN-Ô1	5.0	7.0	6.5
140	16000505	Lại Công	Tài	27/08/2001	16TCN-Ô1	9.0	8.5	6.0
141	16000562	Nguyễn Tấn	Tài	20/05/2000	16TCN-Ô1	7.0	9.5	7.5
142	16001815	Đinh Quý	Thanh	07/5/2001	16TCN-Ô1	6.5	7.5	6.0
143	16000138	Phạm Xuân	Thao	22/09/2001	16TCN-Ô1	7.5	9.5	3.0
144	16000176	Lê Nguyễn Trường	Thịnh	14/06/2001	16TCN-Ô1	9.5	9.5	8.5
145	16000323	Huỳnh Vũ	Tiến	03/7/1997	16TCN-Ô1	3.5	7.0	6.5
146	16000657	Võ Chí Lâm	Trường	13/04/1999	16TCN-Ô1	5.5	6.0	6.5
147	16000828	Phạm Anh	Tỷ	27/09/2001	16TCN-Ô1	5.0	7.5	7.0
148	16003035	Trương Quế	Anh	29/03/2001	16TCN-QTD	1.5	8.5	7.0
149	16000319	Đoàn Lê Ngọc	Ánh	15/12/2001	16TCN-QTD	5.0	7.5	7.5
150	16000790	Lê Minh	Cảnh	19/06/1998	16TCN-QTD	6.5	7.5	6.0
151	16002461	Mộng Thùy	Dương	21/12/2001	16TCN-QTD	2.5	6.5	6.0
152	16000315	Trần Tường	Duy	02/4/2001	16TCN-QTD	2.0	8.0	7.0
153	16000172	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	09/02/2001	16TCN-QTD	3.0	7.0	8.5

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
154	16003746	Trần Thị Mai	Hương	26/02/2001	16TCN-QTD	5.5	10.0	7.0
155	16000316	Đoàn Thị Thanh	Huyền	26/09/2001	16TCN-QTD	4.0	7.5	8.0
156	16003114	Bùi Huỳnh Nguyên	Khải	04/6/1998	16TCN-QTD	6.0	7.0	8.0
157	16000283	Nguyễn Trần Quang	Nhật	15/11/2000	16TCN-QTD	5.5	6.5	8.0
158	16000479	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	24/05/1999	16TCN-QTD	1.5	5.0	4.0
159	16000071	Nguyễn Thị Phi	Nhung	23/09/2001	16TCN-QTD	3.5	6.0	6.5
160	16001046	Châu Phú	Phát	17/05/2000	16TCN-QTD	7.0	7.0	7.5
161	16000594	Đoàn Hồng	Phúc	30/01/2001	16TCN-QTD	3.5	5.5	7.0
162	16000371	Nguyễn Thị Hồng	Phương	03/8/2001	16TCN-QTD	4.0	8.5	7.5
163	16000287	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	07/2/2001	16TCN-QTD	4.0	8.0	8.0
164	16000272	Nguyễn Diệu	Thảo	20/06/2001	16TCN-QTD	5.0	7.5	9.0
165	16001756	Hồ Hoàng Đăng	Thi	26/06/2001	16TCN-QTD	9.5	10.0	8.5
166	16000044	Tổng Thị Thanh	Thủy	15/01/2001	16TCN-QTD	8.0	8.5	8.0
167	16000369	Phạm Ngọc Bích	Trâm	10/7/2001	16TCN-QTD	7.5	8.0	7.5
168	16003812	Nguyễn Văn Hoài	An	21/07/2001	16TCN-QTM1	6.0	6.5	7.5
169	16000160	Trần Chí	Bảo	10/12/2001	16TCN-QTM1	6.0	7.0	6.5
170	16000026	Dương Gia	Chiêu	12/4/2001	16TCN-QTM1	7.0	9.5	7.5
171	16000647	Nguyễn Hoàng Quốc	Đạt	04/01/2001	16TCN-QTM1	6.0	9.0	6.5
172	16000634	Trần Thị Ánh	Giàu	01/9/2001	16TCN-QTM1	5.0	7.5	5.5
173	16000292	Nguyễn Trung	Hiếu	24/11/2001	16TCN-QTM1	3.5	8.0	7.0
174	16000183	Nguyễn Hoàng	Hùng	23/08/2001	16TCN-QTM1	7.0	8.5	7.0
175	16000506	Trần Quốc	Hung	29/10/2001	16TCN-QTM1	8.5	8.5	5.0
176	16000295	Nguyễn Lê Anh	Khoa	15/10/2001	16TCN-QTM1	6.5	8.0	7.5
177	16002938	Lầu Quay	Kin	11/01/2000	16TCN-QTM1	2.5	5.0	6.5
178	16000299	Nguyễn Thanh	Long	12/4/2000	16TCN-QTM1	3.0	7.0	7.0
179	16001496	Lê Minh	Luân	20/09/2001	16TCN-QTM1	4.0	8.5	7.5
180	16000496	Nguyễn Hoàng	Mạnh	22/07/2000	16TCN-QTM1	7.0	7.5	9.0
181	16000331	Lê Quang	Minh	23/07/2000	16TCN-QTM1	5.0	6.0	5.0
182	16000329	Lê Bắc	Nam	13/03/2001	16TCN-QTM1	6.0	6.5	6.0
183	16000667	Bùi Hữu	Nghĩa	21/07/2001	16TCN-QTM1	3.5	5.5	5.0
184	16002342	Lê Trọng	Nghĩa	18/10/2001	16TCN-QTM1	5.0	6.5	6.0
185	16000268	Nguyễn Lê Trọng	Nghĩa	28/02/2001	16TCN-QTM1	5.0	6.5	7.0

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
186	16000951	Đồng Xuân	Oánh	04/12/2001	16TCN-QTM1	5.0	7.0	8.5
187	16000447	Nguyễn Lê Ái	Phúc	28/08/2001	16TCN-QTM1	5.0	7.5	6.5
188	16000054	Nguyễn Thanh	Sơn	05/10/2001	16TCN-QTM1	7.0	9.0	6.5
189	16000581	Nguyễn Cao Đức	Tài	03/5/2000	16TCN-QTM1	6.0	9.0	8.0
190	16000240	Vũ Tấn	Tài	24/06/1997	16TCN-QTM1	6.5	10.0	9.5
191	16000158	Nguyễn Tiến	Thiên	27/04/2001	16TCN-QTM1	7.5	10.0	9.0
192	16000057	Lại Minh	Trí	18/09/2001	16TCN-QTM1	9.5	10.0	9.0
193	16000507	Phạm Trung	Trọng	31/08/2000	16TCN-QTM1	V	V	V
194	16001823	Lã Minh	Trường	08/4/2000	16TCN-QTM1	5.0	7.5	5.0
195	16000165	Nguyễn Trường	Tú	15/03/2001	16TCN-QTM1	3.0	5.5	6.0
KHÓA CŨ THI LẠI								
196	17003657	Nguyễn Văn	Ân	19/5/1998	17T2-ĐCN1		5.5	
197	17000937	Nguyễn Ngọc	Quý	04/02/1998	17T2-ĐCN1		5.5	
198	17001481	Lê Anh	Tuấn	02/11/1999	17T2-ĐCN1		5.0	
199	17004755	Lê Anh	Tuấn	08/11/1998	17T2-ĐCN1		6.0	
200	17000696	Nguyễn Trọng	Tuấn	22/8/1995	17T2-ĐCN1		5.5	
201	17001199	Phạm Minh	Nghĩa	27/08/1999	17T2-ĐCN1		V	
202	17003825	Trần Thanh	Tâm	17/9/1999	17T2-ĐCN1		5.0	
203	17003798	Nguyễn Phương	Nghĩa	01/01/1999	17T2-ĐCN1		6.0	
204	17001296	Trần Văn	Sơn	04/4/1999	17T2-ĐCN1		5.0	3.5
205	17001995	Lê Phương Bảo	Ngọc	29/9/1999	17T2-QTM1		5.0	
206	17004057	Nguyễn Kim	Sang	12/01/1999	17T2-QTM1	0.5		
207	17002511	Võ Phương	Uyên	17/7/1999	17T2-QTM1		5.5	
208	15003401	Hồ Minh	Đức	25/02/2000	15TC-Đ	5.5	5.5	5.5
209	15000605	Trần Tiến	Lợi	23/4/2000	15TC-QTM	2.5	5.5	5.0
210	15001775	Nguyễn Tiến Quốc	Tuấn	22/5/2000	15TC-QTM	6.5	5.5	7.0
211	15002538	Vũ Vòng Nhật	Minh	22/10/2000	15TCN-ĐT	5.0	6.0	6.0
212	15003032	Nguyễn Bá	Lập	02/01/1998	15TCN-ĐT	5.0	6.5	8.0
213	15000220	Lê Tuấn	Kiệt	09/01/2000	15TCN-ĐT	7.0	6.5	7.5
214	15000081	Dương Hiền	Vinh	21/9/2000	15TCN-ĐT	3.0		
215	15000108	Trương Minh	Hiếu	20/12/2000	15TCN-ĐT	6.0	7.0	6.0
216	15000212	Nguyễn Hoàng	Duy	13/8/2000	15TCN-ĐT		6.5	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		
						TOÁN	VẬT LÝ	HÓA HỌC
217	15000832	Phạm Trương Thiên	Phước	07/12/2000	15TCN-CKL	3.5	6.0	6.5
218	15000514	Trần Võ Đông	Phương	12/9/2000	15TCN-CKL	3.0	5.5	8.0
219	15000163	Huỳnh Văn	Kháng	14/9/2000	15TCN-CKL	1.5	7.0	6.0
220	15000771	Lê Văn	Trang	06/6/2000	15TCN-CKL	V	V	V
221	15000096	Nguyễn Ngọc	Khánh	22/5/2000	15TCN-KTD	4.0	6.5	5.0
222	15000357	Nguyễn Đức	Huỳnh	09/6/2000	15TCN-Ô1	5.0	6.0	5.5
223	15000162	Lâm Vĩnh	Thành	08/02/1999	15TCN-Ô1	4.0	6.5	5.0
224	15000201	Huỳnh Đức	Tuấn	09/12/2000	15TCN-Ô1	5.0	6.5	6.0
225	15000950	Nguyễn Thị Hương	Nhã	04/01/2000	15TCN-MTT		5.5	
226	16002255	Lê Huỳnh Bá	Lộc	13/08/1998	16TCT-QTM			7.5

Tổng cộng danh sách có 226 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ